TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/ HNGĐ – ST
Ngày: 31 - 7 - 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

2/ Bà Trần Thị Thu Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 80/2019/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019. Về: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 18/6/2019; Quyết định Hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn : Ông Hà Phúc T – Sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/02/2019 và tại bản khai, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà với ông T cưới nhau vào năm 1992 đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã H. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 3 tháng. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng được một năm, thì xây nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ ông T cho tại thôn L, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng sống chung với nhau 13 năm nhưng

không hạnh phúc. Bởi vì trong cuộc sống ông T là người chồng vũ phu, thường xuyên ăn nhậu, say sỉn rồi về kiếm chuyện đánh đập bà, ông T không lo làm mà mỗi lần bà đi làm về là ông T kiếm chuyện chửi. Vợ chồng ở gần nhà ba mẹ chồng, nhưng khi ba mẹ ông T qua khuyên can thì ông T chửi luôn cả ba mẹ. Do cuộc sống căng thẳng nên bà đã rất nhiều lần bỏ về nhà mẹ ruột ở và ông T lại đến năn nỉ bà quay về, vì nghĩ đến các con có đầy đủ cha mẹ và cũng là cho ông T cơ hội sửa đổi tính tình nhưng khi về được vài ba ngày, ông T lại tiếp tục say sỉn đánh chửi bà. Đến 2005 do không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa, nên bà đưa các con về nhà mẹ ruột ở Bắc Bình sống cho đến nay. Trong thời gian 14 năm qua thì bà với ông T không liên lạc gì với nhau, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau, kể cả khi các con lập gia đình, ông T cũng không hề tham dự. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, thời gian không sống chung cũng đã lâu. Do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Phúc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Hà Thị Huỳnh T – sinh năm 1994; Hà Thái Hồng T – sinh năm 1996; Hà Trần Thanh T – sinh năm 1998; Hà Phúc T – sinh năm 2000. Hiện nay các con đã trưởng thành và có thể tự lo cho bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của ông T để tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông T cố tình lẫn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, ông T vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về quan hệ pháp luật:* Bà Trần Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Hà Phúc T. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn. Ông Hà Phúc T có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H1. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn ông Hà Phúc T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm

b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[2]*Về nội dung:*

[2.1] *Về Hôn nhân:* Bà L với ông T cưới nhau vào năm 1992 có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận vào năm 2001. Sau khi cưới vợ chồng xây nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ ông T cho tại thôn L, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng sống chung với nhau 13 năm nhưng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông T là người chồng vũ phu, thường xuyên ăn nhậu rồi về kiếm chuyện đánh đập bà dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Bà L đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2005 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có gặp nhau bàn bạc vấn đề hàn gắn. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn ông T. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để hòa giải, nhưng ông T cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa bà L với ông T không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của bà L là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2]*Về con chung:* Các con đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.3]*Về tài sản và nợ:* Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3]*Về án phí:* Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Hà Phúc T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72 Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Bà Trần Thị L được ly hôn ông Hà Phúc T.

2/ Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí : Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà L đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026437 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Ông Hà Phúc T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết